

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/DS-PT

Ngày 11/4/2025

V/v chia tài sản chung,
chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc chia tài sản chung, chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2024/QĐ-PT ngày 17/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 03/01/2025 Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 39/2025/QĐ-PT ngày 12/3/2025 của TAND tỉnh Lạng Sơn; Thông báo chuyển thời gian xét xử vụ án số 01/TB-TA, ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Y, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị Y là ông Lương Ngọc X, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền 15/10/2023), có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lương Thị T, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Hoàng Thị Kim K – Luật sư, văn phòng Luật sư Kim K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Ngọc X, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* ông Lương Ngọc X là bà Nguyễn Thị Trung V – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
2. Bà Lường Thị C, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
3. Bà Lường Thị S, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lường Thị S:* Bà Bạch Ánh T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
4. Bà Lường Thị M (vợ ông Lường Văn Đ2 – chết năm 2023), vắng mặt;
6. Anh Lường Văn T1, vắng mặt;
7. Anh Lường Văn T2, vắng mặt.
8. Chị Lường Thị H, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

9. Ông Phùng Văn L (chồng bà Lương Thị T), vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn L: Bà Lương Thị T (hợp đồng ủy quyền ngày 11/3/2024), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Vi Thị Y là nguyên đơn; bà Lương Thị T là bị đơn; bà Lường Thị S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Vi Thị Y, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lương Ngọc X (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Vợ chồng ông Lường Văn Đ1 và bà Vi Thị Y có 05 người con chung: Ông Lường Văn Đ2 (đã chết, ông Đ2 có những người thừa kế là: bà Lường Thị M; Lường Văn T1, Lường Văn T2, Lường Thị H), bà Lường Thị C, bà Lường Thị S, anh Lương (Lường) Ngọc X, bà Lương (Lường) Thị T.

Bà Vi Thị Y khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với thửa đất do con gái là Lương Thị T đang quản lý, sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) diện tích 756,1m² thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Co Pây thôn K, xã Xuân T sau sáp nhập là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên bà Lương Thị T là tài sản chung của bà với chồng là ông Lường Văn Đ1 (chết năm 1998). Ngày 02/9/1993, ông Lường Văn Đ1 đã lập “Văn bằng chia sở hữu ruộng đất và tài sản gia đình” chia toàn bộ đất đai, ruộng vườn cho hai con trai là ông Lường Văn Đ2 và ông Lương Ngọc X (không

có chữ ký của bà Vi Thị Y). Theo phong tục địa phương không chia đất đai, tài sản cho con gái. Năm 1994, con bà là ông Lương Ngọc X ra thửa đất này làm hai gian nhà trình tường một gian bán phân bón nông nghiệp, một gian để ở. Cũng trong năm 1994 do bà Lương Thị T có quan hệ yêu đương có bầu trước, sắp đến ngày sinh con chưa có chỗ ở, chưa được bên nhà trai chấp nhận nên ông Lương Ngọc X cho bà Lương Thị T ở nhờ. Bà Lương Thị T tự ý đi kê khai cấp GCNQSDĐ khi nào bà không biết. Năm 1989, ông Lương Văn Đ1 chết không để lại di chúc nên bà Vi Thị Y yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế gồm: Phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là: $\frac{1}{2}$ diện tích của thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 cho bà được hưởng diện tích là $378m^2$. Phần còn lại là di sản thừa kế của chồng bà là chia thành 06 gồm bà và các con mỗi kỹ phần $63m^2$.

Ngày 29/7/2024, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu chia di sản đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã Xuân T, nay là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Phần diện tích đất của bà Vi Thị Y được hưởng tỷ lệ là 50% của thửa đất với diện tích là $378m^2$, trong đó kỹ phần của ông Lương Văn Đ1 là $63m^2$, hiện bà Vi Thị Y không yêu cầu chia phần diện tích đất này nữa mà chia thêm diện tích đất $63m^2$ cho bà Lương Thị T và bà Lương Thị S được hưởng thêm $63m^2$ trừ từ phần diện tích $378m^2$ phần đất còn lại bà Vi Thị Y được hưởng là $315m^2$. Bà thể: Ông Lương Văn Đ2 được hưởng $63m^2$; bà Lương Thị C được hưởng $63m^2$; bà Lương Thị S được hưởng $63m^2 + \text{thêm } 63m^2 = 126m^2$; ông Lương Ngọc X được hưởng $63m^2$; bà Lương Thị T được hưởng $63m^2 + \text{kỹ phần của ông Lương Văn Đ1 } 63m^2 + \text{kỹ phần của bà Lương Thị C } 63m^2 = 189m^2$. Nếu không thỏa thuận được bà Vi Thị Y yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ ký hiệu số: BR31628, vào sổ cấp GCN: CH01973, ngày 12/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Lương Thị T. Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với chi phí việc mai táng cho ông Lương Văn Đ1 không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lương Thị T trình bày: Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã Xuân T, sau sáp nhập là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích $756,1m^2$, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ đẻ là ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y nói bằng miệng cho bà quản lý, sử dụng từ năm 1994. Trước đây, thửa đất này chưa xây dựng công trình gì trên đất, chỉ trồng hoa màu, đậu đỗ. Khi được bố mẹ cho thửa đất trên, bà đã sử dụng một phần thửa đất canh tác trồng hoa màu, đậu đỗ, một phần đất bà sử dụng làm nhà ở và bếp. Lúc làm nhà (khoảng tháng 10/1994) có bố chồng là ông Phùng Văn V (chết năm 2013) và chú ruột chồng là ông Phùng Văn T đến hộ. Theo bà bố mẹ đã chia hết đất đai ruộng vườn theo Văn bằng ngày 02/9/1993 cho hai anh em trai là Lương Văn Đ2 và Lương Ngọc X. Hai ông đã thực hiện đăng ký kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ. Khoảng năm 2000, bà có nhờ ông Lương Ngọc X đi kê khai hộ bà thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện

tích 72m² đất này, ông Lương Ngọc X đồng ý và đi kê khai thay bà, cuối năm 2001 bà được cấp GCNQSDĐ. Năm 2004, bà phá hai gian nhà trình tường này đi và xây nhà cấp 4, công trình phụ khác trên đất. Chính là nhà cấp 4 và công trình hiện nay bà ở và quản lý sử dụng. Năm 2012, có đợt Nhà nước tiến hành đo đất tại xã, bà đã kê khai cấp mới và cấp đổi với diện tích 72m² đất của GCNQSDĐ đã cấp năm 2001, gộp lại thành một GCNQSDĐ tổng diện tích 756,1m², thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33. Tháng 02 năm 2020, bà xây thêm một gian nhà kho để chứa đồ. Năm 2022, ông Lương Ngọc X đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà trả lại đất sau đó ông Lương Ngọc X đã rút đơn khởi kiện. Nay lại mượn danh mẹ để khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế bà không đồng ý. Bà vẫn yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất trên. Năm 2000, bà Lương Thị T khẳng định nhờ ông Lương Ngọc X đi kê khai hộ để cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên bà Lương Thị T không yêu cầu trung cầu giám định chữ ký trong đơn kê khai cấp GCNQSDĐ năm 2001. Bà không đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Vi Thị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Ngọc X trình bày, về việc yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã Xuân T cũ (nay là xã T) huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bà yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33. Nhưng nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà đồng ý với ý kiến của bà Vi Thị Y là chia kỷ phần của ông Lương Văn Đ1 là 63m² và bà Lương Thị C đồng ý để lại kỷ phần cho bà là 63m². Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với chi phí việc mai táng cho ông Lương Văn Đ1 không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Ngọc X và bà Lương Thị S nhất trí với ý kiến của bà Vi Thị Y.

Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị C không hợp tác, không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của bà Lương Thị C. Các đương sự đều đã gặp trực tiếp thông báo việc giải quyết vụ án, bà không đến Tòa án, từ chối nhận di sản thừa kế và nói để lại cho bà Lương Thị T.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M (vợ ông Lương Văn Đ2) trình bày: Bà là vợ của ông Lương Văn Đ2 là con dâu của ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y. Chồng bà là ông Lương Văn Đ2 chết tháng 12 năm 2023, bà kết hôn với ông Lương Văn Đ2 từ năm 1979. Bà nhất trí ý kiến của bà Vi Thị Y. Phần di sản bà được hưởng bà từ chối và nhường cho con trai là Lương Văn T1. Các anh Lương Văn T1, anh Lương Văn T2 và chị Lương Thị H (con của ông Lương Văn Đ2 và bà Lương Thị M) đều nhất trí với ý kiến của mẹ là bà Lương Thị M.

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2001 và hồ sơ cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2013 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 bản đồ địa chính xã Xuân T sau sáp nhập là Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số: V137362, ngày 20/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số: BR31628, vào sổ cấp GCN: CH01973, ngày 12/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Lương Thị T về trình tự thủ tục, đối tượng đúng quy định của pháp luật. Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 bản đồ địa chính xã Xuân T sau sáp nhập là Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được đo đạc năm 2010 hiện nay của gia đình bà Lương Thị T đang quản lý, sử dụng không bị kê khai, thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng khi làm đường và không nằm trong chương trình dự án quy hoạch gì của huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu của hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 16/TLDS-ST, ngày 01/6/2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với GCNQSDĐ ký hiệu số: BR31628, vào sổ cấp GCN: CH01973, ngày 12/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Lương Thị T. Nguyên đơn ông Lương Ngọc X có đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện bà Lương Thị T với đất tranh chấp trên. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2022/QĐST-DS, ngày 26/9/2022. Các tài liệu thu thập gồm: Lời khai của *người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Đ2 trình bày*: Đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 nguồn gốc thửa đất là của ông cha để lại đất thuộc quyền sở hữu của bố mẹ là ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y, từ năm 1988 ông khác ra ở riêng từ đó thửa đất thuộc quyền sở hữu của bố mẹ. Ngày 02/9/1993 bố ông là Lương Văn Đ1 với sự chứng kiến của họ hàng đã lập bản Văn bằng chia sở hữu ruộng đất và tài sản gia đình, theo bản phân chia thì thửa đất trên chia cho Lương Ngọc X, quá trình quản lý, sử dụng từ năm 1988 đến nay, đối với thửa đất đó thuộc quyền của Lương Ngọc X, bố mẹ và Lương Ngọc X phân chia thửa đất này cho ai, sử dụng như thế nào ông không nắm được vì ông không còn liên quan đến quyền quản lý, sử dụng thửa đất đó nữa, việc bố mẹ chia diện tích đất này cho chị Lương Thị T hay không thì ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị C và bà Lương Thị S trình bày: Năm 1993 bố Lương Văn Đ1 và mẹ là Vi Thị Y có văn bằng chia sở hữu ruộng đất cho hai anh em trai Lương Văn Đ2 và Lương Ngọc X, ba chị em gái là Lương Thị C, Lương Thị S và Lương Thị T không ai được chia đất đai gì. Sau khi hai anh em được chia đất đến nay cũng không có tranh chấp gì. Đối với thửa đất vườn hiện nay đang tranh chấp, năm 1993 bố mẹ đã chia cho anh Lương Ngọc X quản lý, sử dụng, đến năm 1994 anh Lương Ngọc X đã trình 2 gian nhà

trình tường 01 gian ở, 01 bán hàng phân bón nông nghiệp. Thời gian này chị Lương Thị T có quan hệ yêu đương với Phùng Văn L có chữa trước mà chưa được gia đình bên nhà trai chấp nhận, nên không có chỗ ở, anh Lương Ngọc X có cho ở nhờ 01 gian, còn 01 gian Lương Ngọc X vẫn bán hàng. Chị Lương Thị T tự ý đi kê khai để cấp GCNQSDĐ, toàn bộ thửa đất vườn hiện đang tranh chấp nêu trên.

Tại Bản án số 14/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

1. Bà Lương Thị T được quyền quản lý và sử dụng tổng diện tích đất là 706,3m² (gồm thửa đất số 140.1 diện tích 692,8m² và thửa 149.1 diện tích là 13,5m²) tờ bản đồ số 33, diện tích bản đồ địa chính xã Xuân T nay là xã T, địa chỉ: Co Pây thôn Kéo Bè, xã Xuân T sau sáp nhập là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nổi các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11-A12 thể hiện tại Trích đo khu đất kèm theo Bản án. Bà Lương Thị T được quyền sở hữu các tài sản trên đất (tại Biên bản xem xét thẩm định, định giá ngày 21/5/2024). Khi án có hiệu lực bà Lương Thị T có nghĩa vụ chỉnh lý GCNQSDĐ ký hiệu số: BR31628, vào sổ cấp GCN: CH01973, ngày 12/11/2013 theo quy định.

2. Về trách nhiệm thanh toán: Bà Lương Thị T phải thanh toán cho bà Vi Thị Y số tiền là 908.100.000 (chín trăm linh tám triệu một trăm ngàn) đồng; bà Lương Thị S số tiền 302.700.000 (ba trăm linh hai triệu bảy trăm ngàn) đồng; bà Lương Thị C, ông Lương Ngọc X và anh Lương Văn T1 (con ông Lương Văn Đ2) mỗi người là 151.350.000 (một trăm năm một triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc là 17.409.000 (mười bảy triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng. Xác nhận bà Vi Thị Y đã nộp đủ 7.461.252 (bảy triệu bốn trăm sáu một ngàn hai trăm năm hai) đồng. Các ông, bà phải có trách nhiệm trả cho bà Vi Thị Y chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, bà thể: Bà Lương Thị S số tiền 2.487.084 (hai triệu bốn trăm tám bảy ngàn không trăm tám tư) đồng. Bà Lương Thị T số tiền là 3.730.626 (ba triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm hai sáu) đồng. Bà Lương Thị C, ông Lương Ngọc X và anh Lương Văn T1 (con ông Lương Văn Đ2) mỗi người là 1.243.542 (một triệu hai trăm bốn ba ngàn năm trăm bốn hai) đồng.

Ngoài ra Quyết định còn tuyên, chi phí chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vi Thị Y kháng cáo yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 302,7m² trong số diện tích đất tranh chấp bà thể là phần diện tích

đất hiện nay đang có các loại cây hoa màu, cây ngắn ngày. Đối với các cây do gia đình bà Lương Thị T trồng trên diện tích đất này bà Vi Thị Y sẽ thanh toán theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Lý do kháng cáo: Trong tổng diện tích đất tranh chấp 706,3m² thì chỉ có một phần diện tích đất Lương Thị T đã xây dựng công trình và nhà ở còn phần đất còn lại đang trồng cây ngắn ngày nên có thể chia cho bà bằng đất.

Bị đơn bà Lương Thị T kháng cáo: Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y vì không có căn cứ pháp luật với lý do: Về nguồn gốc đất: Ngày 02/9/1993 bố mẹ bà là ông Đ1 và bà Y đã xác lập văn bản chia sở hữu ruộng đất cho các con trong đó có ruộng dưỡng lão cho ông bà, anh Định trích Nà Thông 1 sào; anh X trích Cẩn Khuổi 1 sào, các con gái không được chia tuy nhiên do bà Toàn có bầu trước nên năm 1994 bố mẹ đã cho bà sử dụng thửa số 140 diện tích 756,1m² chia bằng miệng; Quá trình sử dụng: Sau khi nhận chia ruộng thì mỗi người đều sử dụng quản lý ổn định từ đó đến nay không tranh chấp. Năm 2001 bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 thực hiện hồ sơ cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng năm bà đều nộp thuế theo quy định; Theo án lệ số 03 thì bố mẹ bà đã cho thửa 140 sử dụng thì bà đã sử dụng đất được 30 năm, xây nhà kiên cố khi đó mẹ và anh chị bà không có ý kiến gì. Nay đó không phải là tài sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S kháng cáo: Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 100,9m², trong số diện tích đất tranh chấp hiện nay có các cây hoa màu ngắn ngày do gia đình bà Lương Thị T trồng trên diện tích đất này bà sẽ thanh toán lại bằng tiền cho bà Toàn theo giá trị cây Hội đồng định giá đã định giá theo quy định.

Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng VKSND huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đề nghị TAND tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện; chưa thu thập làm rõ thửa đất 149.1 được cấp giấy chứng nhận cho ai và chưa lấy lời khai của vợ con ông Lương Văn Đ2; nguyên đơn yêu cầu chia bằng hiện vật nhưng bản án lại chia theo giá trị; thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình kháng nghị phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm như:

Thứ nhất: Nguyên đơn bà Vi Thị Y trình bày yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lương Văn Dũng đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, có diện tích 756,1m² thuộc tờ bản đồ xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo khu đất tranh chấp, xác định đất tranh chấp là 706,3m², trong đó: diện tích 692,8m² thuộc một phần thửa 140 (thửa tạm 140.1); diện tích 13,5m² thuộc một phần thửa 149 (thửa tạm 149.1) cùng tờ bản đồ số 33, tại Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Như vậy, xác định bà Y yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế là thửa 140, theo kết quả đo đạc diện tích thì diện tích thuộc thửa 140 có diện tích 692,8m²; còn lại 13,5m² thuộc thửa 149, nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm xác định diện tích là 706,3m² thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, diện tích bản đồ địa chính xã Xuân T nay là xã T, địa chỉ: Co Pây thôn K, xã Xuân T sau sáp nhập là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không chính xác và mâu thuẫn với kết quả xem xét thẩm định.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với diện tích 13,5m² thuộc một phần thửa 149, Tòa án sơ thẩm cũng không thụ lý bổ sung đối với yêu cầu của nguyên đơn về diện tích đất này, nhưng bản án sơ thẩm đã giải quyết là giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án chưa thu thập làm rõ thửa đất 149.1 được cấp giấy GCNQSDĐ cho ông Lương Văn Đ2 hay không và chưa lấy lời khai của vợ và con ông Lương Văn Đ2, gồm, bà Lương Thị M, anh Lương Văn T2, anh Lương Văn T1 và chị Lương Thị H có đồng ý đổi thửa đất 149.1 hay không nhưng đã giải quyết chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với diện tích 13,5m² đất thuộc một phần thửa đất 149.1 là vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ theo Điều 97, Điều 108

Bộ luật Tổ tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ hai: Diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thấy có thể chia được bằng hiện vật, nguyên đơn bà Y, người liên quan bà Sở đều yêu cầu chia bằng hiện vật, các bên đương sự không có thỏa thuận chia bằng tiền, nhưng bản án sơ thẩm không chia bằng hiện vật mà chia theo giá trị và buộc bị đơn bà Toàn thanh toán giá trị tài sản cho những người thừa kế khác được hưởng là vi phạm khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự.

Thứ ba: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 140, diện tích 756,1m² theo GCNQSDĐ. Khi xem xét thẩm định tại chỗ, chỉ xác định đất tranh chấp diện tích 692,8m² thuộc một phần thửa 140 (thửa tạm 140.1); còn lại diện tích 63,3m² thuộc một phần thửa 140, gồm: Thửa tạm 140.2 diện tích 6,5m², thửa tạm 140.3 diện tích 40,2m², thửa tạm 140.4 diện tích 16,6m² chưa làm rõ yêu cầu của nguyên đơn như thế nào là chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự, đồng thời chưa thu thập làm rõ diện tích đất này hiện nay ai đang sử dụng để đưa vào tham gia tố tụng là xác định thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vi phạm Điều 5, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do có vi phạm về tố tụng cần hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét về nội dung, đối với nội dung kháng cáo của các đương sự sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý giải quyết lại.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST, ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lại theo quy định. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án. Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do và không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất tranh chấp thấy: Ngày 02/9/1993 ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y có xác lập văn bản chia sỡ ruộng đất cho các con trai, bà thể ông Lương Văn Đ2 trích Nà Thông 01 sào, phần ông Lương Ngọc X trích Cản Khuổi 1 sào, các con gái không được chia tài sản tuy nhiên do bà Lương Thị T là con gái út có quan hệ yêu đương mang bầu trước, nhà trai không chấp nhận cưới nên vào năm 1994 bà Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị

Y đã cho bà Lương Thị T ở và sử dụng thửa đất số 140, diện tích 756,1m² việc chia không có giấy tờ tuy nhiên bà Lương Thị T cho rằng bố mẹ cho bằng miệng.

[3] Về quá trình quản lý sử dụng: Sau khi được phân chia ruộng đất thì anh em trong nhà đều đã tự quản lý, sử dụng ổn định từ khi được phân chia đến khi xảy ra sự việc tranh chấp. Bà Lương Thị T xây nhà và công trình phụ sử dụng ổn định khi đó anh em trong nhà và bà Y không ai có ý kiến gì. Năm 2001 bà Toàn đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích 72m² số diện tích còn lại bà Toàn trồng hoa màu. Năm 2013 bà Lương Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 756,1m² thuộc thửa số 140.

[4] Xét về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2001 và hồ sơ cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2013 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 bản đồ địa chính xã Xuân T sau sáp nhập là Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì UBND huyện Lộc Bình cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số: V137362, ngày 20/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số: BR31628, vào sổ cấp GCN: CH01973, ngày 12/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Lương Thị T là đảm bảo về trình tự thủ tục, đối tượng đúng quy định của pháp luật. Thửa đất thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33 bản đồ địa chính xã Xuân T sau sáp nhập là Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được đo đạc năm 2010 hiện nay của gia đình bà Lương Thị T đang quản lý, sử dụng không bị kê khai, thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng khi làm đường và không nằm trong chương trình dự án quy hoạch gì của huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trên thực tế gia đình bà Vi Thị Y và ông Lương Ngọc X đều đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tài sản ruộng đất của gia đình và đang sử dụng nhưng không hề kê khai thửa 140 mà bà Lương Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét về quyền chiếm hữu, quản lý tài sản: Bà Lương Thị T đã có quá trình quản lý, sử dụng đất của từ năm 1994 cho đến nay. Trong thời gian quản lý bà đã phá căn nhà trình tường của ông Lương Ngọc X, xây dựng các công trình kiến trúc và các tài sản trên đất, khi đó bà Vi Thị Y và các hàng thừa kế đều không có ý kiến gì. Năm 2022, ông Lương Ngọc X mới làm Đơn khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị T trả lại đất vì ông cho rằng đã được bố chia theo Văn bằng ngày 02/9/1993 nhưng không rõ vị trí, diện tích, địa chỉ khu đất nên ông đã rút đơn khởi kiện. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2024 thể hiện ngoài các công trình nhà ở, vật kiến trúc và 02 cây hồng đường kính gốc trên 10 – 15cm (Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2022 của vụ án trước) bà Lương Thị T đã trồng thêm các loại cây trên đất tranh chấp như: Cây mít; cây mắc mật, cây mộc hương, cây đu đủ, cây chanh, cây hồng xiêm, cây xoài. Trong quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp bà Lương Thị T đã có công tôn tạo, giữ gìn, quản lý và chuyển quyền sử dụng đất sang đất ở nông thôn đã làm tăng giá trị tài sản, quản lý ổn định lâu dài không có tranh chấp.

[6] Với diện tích đất tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung: Thời điểm tranh chấp không còn tài sản chung bố mẹ để lại để chia trên đất do bà Lương Thị T đã xây nhà kiên cố trên diện tích đó để ở khi xây dựng cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì, bà Lương Thị T đã quản lý sử dụng

nhà đất liên tục, công khai ổn định và đã tiến hành kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với tài sản thừa kế thì ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y chưa được Nhà nước giao đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp nên không phải là di sản thừa kế của ông Lương Văn Đ1 và bà Vi Thị Y để lại. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Y đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích ở trên.

[7] Xét kháng cáo của bà Lương Thị T cho rằng bố mẹ bà đã cho bà thừa đất 140 sử dụng thì bà đã quản lý, sử dụng đất được khoảng 30 năm, xây nhà kiên cố khi đó mẹ và anh, chị, bà không có ý kiến gì do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị T được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất là có căn cứ.

[8] Xét kháng cáo của bà Lương Thị S như đã phân tích ở trên vì bà Lương Thị T đã có quá trình quản lý, sử dụng đất của từ năm 1994 cho đến nay nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị S.

[9] Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn thấy: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát không được chấp nhận vì không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự theo hướng bác yêu cầu khởi kiện như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu.

[10] Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S, chấp nhận kháng cáo của bị đơn; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn sửa Bản án dân sự số 14/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc là 17.409.000 (mười bảy triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y không được chấp nhận do đó bà Vi Thị Y phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc nêu trên. Xác nhận bà Vi Thị Y đã nộp đủ.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; điểm b khoản 1 Điều 92; khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; Điều 165; 166; của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 4, 5, 6 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Y;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bà thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị Y yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế diện tích là 706,3m² thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã Xuân T nay là xã T, địa chỉ: Co Pậy thôn Kéo Bẻ, xã Xuân T sau sáp nhập là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Bà Vi Thị Y phải chịu toàn bộ số tiền số tiền là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc là 17.409.000 (mười bảy triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng. Xác nhận bà Vi Thị Y đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lộc Sơn Thái

